

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-9-2024  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
cấp dưỡng khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Phan Thị Thanh Huyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Mật;
- Bà Ngô Thị Thu Huyền.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** bà Hoàng Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn S, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**- Bị đơn:** anh Vi Văn B, sinh năm 1993, địa chỉ: thôn S, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Vi Văn B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, hòa thuận. Từ năm 2019, vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Vi

Văn B thường xuyên uống rượu rồi xúc phạm vợ con, đập phá nhà cửa thậm chí có lần còn đánh chị. Chị đã nhiều lần có ý định ly hôn nhưng vì thương con nhỏ, mong muốn con có cuộc sống hạnh phúc nên chị đã nhẫn nhịn. Khoảng tháng 12 năm 2023, vợ chồng chị có cãi nhau, sau lần đó chị chuyển về nhà ngoại tại thôn S, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và cũng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhiều lần nhưng không được, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Vi Văn B.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Vi Bảo T sinh ngày 30-12-2019, hiện đang sống cùng anh Vi Văn B. Do chị đi làm Công ty Trách nhiệm hữu hạn F tại thị xã V, tỉnh Bắc Giang, thu nhập trung bình từ 8.000.000 đồng - 10.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên công việc thường xuyên tăng ca và xa nhà nên để đảm bảo ổn định tốt nhất cuộc sống cho con, chị yêu cầu để cho anh Vi Văn B trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vi Văn B trình bày: về quá trình tìm hiểu và thời gian kết hôn như chị Nguyễn Thị N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến khoảng năm 2021-2022, vợ chồng có mâu thuẫn do chị Nguyễn Thị N đi làm công ty, khi về thăm nhà anh phát hiện chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác và đã được anh tha thứ một lần. Đến tháng 8 năm 2023, chị Nguyễn Thị N đi làm công ty không về nhà nữa nếu có về chỉ về nhà ngoại. Nay chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: có 01 con chung là cháu Vi Bảo T sinh ngày 30-12-2019, hiện đang sống cùng anh. Khi ly hôn, anh nhất trí với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N để cho anh được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi và chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị Nguyễn Thị N phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn của bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị N) trình bày: từ năm 2022, bà thấy con gái nói anh Vi Văn B thường xuyên uống rượu rồi xúc phạm, đánh đập vợ con. Bà cũng đã khuyên bảo anh Vi Văn B nhiều lần nhưng không được nay các con không chung sống được với nhau nữa nên ly hôn, bà cũng nhất trí.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải vụ án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả cho anh Vi Văn B được biết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: về tố tụng, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật; không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Vi Văn B và anh Vi Văn B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vi Bảo T kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi và không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Chị Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm: giấy đăng ký kết hôn; giấy tờ tùy thân; giấy khai sinh của con chung; các biên bản tổng đạt văn bản tố tụng; bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, ...*

*Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: chị Nguyễn Thị N và anh Vi Văn B có đăng ký kết hôn số 31, ngày 21-9-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và có một con chung là cháu Vi Bảo T sinh ngày 30-12-2019.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng khi ly hôn. Bị đơn anh Vi Văn B cư trú tại thôn S, xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại các khoản 1, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt; tại biên bản lấy lời khai ngày 20-8-2024 anh Vi Văn B đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của đương sự không gây cản trở cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Vi Văn B có đăng ký kết hôn số 31, ngày 21-9-2015 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Xét thấy, chị Nguyễn Thị N và anh Vi Văn B đều thừa nhận cuộc sống vợ chồng tồn tại mâu thuẫn, mặc dù hai bên trình bày chưa phù hợp thời gian và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, tuy nhiên cả hai đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh chị đã ly thân nhau từ năm 2023, trong thời gian ly thân đã tìm cách khắc

phục mâu thuẫn nhưng không thành và đều nhất trí ly hôn đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Xét thấy, chị Nguyễn Thị N và anh Vi Văn B đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nguyễn Thị N yêu cầu ly hôn với anh Vi Văn B là có căn cứ quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị N và anh Vi Văn B có 01 con chung là cháu Vi Bảo T, sinh ngày 30-12-2019. Xét thấy, chị Nguyễn Thị N yêu cầu anh Vi Văn B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung do hiện chị đang đi làm công ty xa nhà, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc con, được anh Vi Văn B nhất trí. Mặt khác, trong thời gian chị Nguyễn Thị N đi làm, con chung ở nhà do anh Vi Văn B trực tiếp chăm sóc và anh Vi Văn B cũng có đủ điều kiện nuôi con về mức thu nhập, có nơi ở ổn định đảm bảo cho việc sinh sống và học tập cho con. Do đó, việc giao con cho anh Vi Văn B sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất cho việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho con chung. Do vậy, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc để anh Vi Văn B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vi Bảo T cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: chị Nguyễn Thị N yêu cầu được thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi; mức cấp dưỡng này là phù hợp với mức thu nhập của chị Nguyễn Thị N, anh Vi Văn B đồng ý với mức cấp dưỡng này nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị Nguyễn Thị N không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng do anh Vi Văn B không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị N có đơn xin được miễn án phí do thuộc trường hợp người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N được miễn án phí theo quy định và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Vi Văn B.

2. Về con chung: anh Vi Văn B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Vi Bảo T, sinh ngày 30 tháng 12 năm 2019, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000đồng/tháng (một triệu đồng/tháng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị N không phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh Vi Văn B không yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Trả lại chị Nguyễn Thị N số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005587 ngày 26 tháng 7 năm 2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

5. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- UBND xã Quan Sơn, huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(ĐÃ KÝ)**

**Phan Thị Thanh Huyền**